

ÔN TẬP VỀ VĂN HỌC

(Học kì I)

(2 tiết)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS :

– Hệ thống hoá được các tri thức về văn học. Phân tích, chứng minh được những truyền thống tư tưởng lớn qua các tác phẩm văn học Việt Nam đã học.

– Hiểu được những đặc điểm cơ bản của văn học dân gian, từ đó nắm được phương pháp phân tích các tác phẩm thuộc bộ phận văn học này.

– Hiểu được đặc điểm nghệ thuật của thơ trữ tình trung đại Việt Nam qua các bài thơ đã học để vận dụng vào việc đọc - hiểu.

II – NHỮNG ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Trước khi ôn tập, HS cần biết phải ôn những gì, trọng tâm ôn tập ở đâu. Vì vậy, GV phải hướng dẫn HS có cái nhìn bao quát toàn bộ phần Văn học ở *Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập một để thấy có những nội dung nào, quan hệ giữa chúng ra sao và đâu là trọng tâm.

Ngoài bài *Tổng quan nền văn học Việt Nam qua các thời kì lịch sử*, phần Văn học của *Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập một gồm các nội dung sau :

- Văn học Việt Nam (văn học dân gian và văn học viết thời trung đại).
- Đặc điểm của văn bản văn học và các yêu cầu đọc - hiểu văn bản văn học.
- Sử thi Hi Lạp, Ấn Độ ; thơ Đường Trung Quốc ; thơ hai-cư Nhật Bản.

Các nội dung trên được sắp đặt xen kẽ với nhau theo nguyên tắc : những hiện tượng văn học gắn gũi được xếp liền với nhau để tiện soi sáng lẫn nhau, như tiếp theo sử thi *Đăm Săn* là sử thi *Ô-đi-xê* (Hi Lạp) và *Ra-ma-ya-na* (Ấn Độ) ; tiếp theo thơ trung đại Việt Nam là các bài : *Tại lầu Hoàng Hạc tiễn Mạnh Hạo Nhiên đi Quảng Lăng*, *Cảm xúc mùa thu*, *Tì bà hành* (Trung Quốc), thơ hai-cư của Ba-sô, Bu-son (Nhật Bản).

Trọng tâm phần Văn học trong SGK *Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập một là văn học Việt Nam (văn học dân gian, văn học viết thời trung đại – chủ yếu là thơ trữ tình).

truyện cổ tích thần kì (riêng *Chữ Đồng Tử* có phần được truyền thuyết hoá). Tấm và Chữ Đồng Tử là những nhân vật bất hạnh (con chồng, mồ côi, nghèo khổ). Các nhân vật này được lí tưởng hoá về phẩm chất và về số phận (tuy bất hạnh nhưng lại được đổi đời, được hưởng hạnh phúc) nhờ phép lạ của những yếu tố thần kì. Về quan niệm công lí xã hội của nhân dân : thiện thắng ác, tốt thắng xấu.

– Về yêu cầu đ (thống kê các hình ảnh so sánh, ẩn dụ), GV có thể tham khảo bảng thống kê sau đây, giúp HS tổng hợp một số hình ảnh so sánh, ẩn dụ trong các bài ca dao, tục ngữ đã học.

Số TT	Nhóm tác phẩm	Số thứ tự bài, câu	Hình ảnh	Sự vật, hiện tượng dùng làm hình ảnh
1	<i>Ca dao yêu thương, tình nghĩa</i>	1 2 3 4 5, 6	– Cành hồng (<i>ngả cành hồng</i>) – Sông (<i>sông rộng một gang</i>), cầu, dải yếm (<i>bắc cầu dải yếm</i>) – Gương, cối đựng trấu, cau tươi, trấu vàng – Khăn, mắt, đèn (<i>khăn thương nhớ ai...</i>) – Cây đa, bến đò, con đò	– Cây – Sông, cầu, yếm – Gương soi, cối đựng trấu, trấu cau – Khăn, đèn, mắt – Cây, bến sông, thuyền (đò)
2	<i>Ca dao than thân</i>	1 2 5	– Tấm lụa đào, chợ (<i>phát phơ giữa chợ</i>) – Giếng (<i>giếng giữa làng</i>) – Con cò	– Lụa, chợ – Giếng – Con cò
3	<i>Ca dao hài hước, châm biếm</i>	4	– Anh hùng rom, môi lửa	– Rom, lửa
4	<i>Tục ngữ về đạo đức, lối sống</i>	1 2 3 4 5 6 10	– Hàm nhai, miệng trẻ – Cá cả, câu dài – Kiến (tha mồi) – Máu đào, nước lã – Quán, nhà, lều, toà ngói cao – Tát bể Đông – Ngựa, tàu ngựa	– Hàm, miệng – Cá, cần câu – Kiến – Máu, nước – Quán, nhà, lều – Biển – Ngựa

Nhận xét : Các sự vật, hiện tượng được dùng làm hình ảnh so sánh, ẩn dụ có thể phân làm hai nhóm :

– Nhóm thuộc về thế giới tự nhiên và môi trường cảnh quan thường thấy quanh ta.

– Nhóm thuộc về con người và những vật dụng gắn liền với đời sống lao động, sinh hoạt thường ngày.

Như vậy, các sự vật, hiện tượng được dùng làm hình ảnh so sánh, ẩn dụ trong ca dao, tục ngữ đã tạo nên sức sống và màu sắc hiện thực cho những biểu hiện tư tưởng, tình cảm của nhân vật trữ tình (ca dao) và những tư tưởng, triết lí trừu tượng của nhân dân (tục ngữ). Đây là điều khác với phần lớn những hình ảnh so sánh, ẩn dụ trong văn học viết thời trung đại. Gợi ý HS tìm vài dẫn chứng.

5. Trọng tâm 2 : Văn học viết Việt Nam thời trung đại

a) Để hình dung được cơ cấu nền văn học và hệ thống hoá các tri thức đã học, cách ôn tập tốt nhất là vẽ sơ đồ thời kì văn học : các thành phần văn học (chữ Hán và chữ Nôm), các giai đoạn phát triển (thế kỉ X - XIV ; thế kỉ XV - XVII ; thế kỉ XVIII - nửa đầu thế kỉ XIX ; nửa cuối thế kỉ XIX), sau đó điền các tác phẩm văn, thơ đã học vào đúng vị trí của chúng trong sơ đồ.

b) Ở mỗi giai đoạn văn học, bên cạnh việc điền tên các bài văn, thơ, cần ghi trước hết những sự kiện lịch sử quan trọng có liên quan đến tình hình văn học. Ví dụ, giai đoạn thế kỉ X - XIV : xây dựng đất nước vừa giành được độc lập, thống nhất ; ba lần đánh bại giặc Mông – Nguyên ; tổ chức khoa cử tuyển chọn nhân tài ;...

c) Về các đặc điểm cơ bản của thời kì văn học, để nắm được và dễ nhớ, cần hiểu mỗi đặc điểm là một biểu hiện khác nhau của nền văn học Việt Nam thời trung đại trong một mối quan hệ nhất định :

Đặc điểm 1 : Quan hệ với vận mệnh đất nước, số phận con người.

Đặc điểm 2 : Quan hệ với văn học dân gian.

Đặc điểm 3 : Quan hệ với văn học nước ngoài (Trung Quốc).

Đặc điểm 4 : Quan hệ với chính nền văn học viết. Ở đây, văn học trung đại tự phân biệt với các thời kì văn học khác (từ đầu thế kỉ XX đến Cách mạng tháng Tám 1945 và từ sau Cách mạng đến hết thế kỉ XX) bằng những đặc trưng thi pháp riêng, gồm những yếu tố của hình thức văn học thời trung đại hình thành một cách có hệ thống và tương đối bền vững, phản ánh tư tưởng mĩ học, quan niệm văn chương của con người thời ấy.

Văn học trung đại Việt Nam luôn luôn vận động theo hướng dân tộc hoá và dân chủ hoá nhưng nhìn chung vẫn không vượt hẳn ra khỏi những nguyên tắc của thi pháp văn học trung đại.

d) Đặc trưng thơ trữ tình trung đại Việt Nam

Phần Văn học của *Ngữ văn 10 Nâng cao*, tập một chủ yếu học thơ trữ tình trung đại. Thơ trữ tình trung đại có những đặc trưng riêng, nếu không nắm được thì không thể hiểu đúng nội dung và những đặc sắc về nghệ thuật của nó.

Ôn tập phần này, nên liên hệ thơ trữ tình trung đại Việt Nam với thơ Đường Trung Quốc và thơ hai-cư Nhật Bản.

HS cần đọc kỹ bài *Khái quát văn học Việt Nam từ thế kỉ X đến hết thế kỉ XIX* và các phần *Tri thức đọc - hiểu* về thơ Đường, về thơ hai-cư và những đoạn trích *Viên Mai bàn về thơ*, trên cơ sở đó, suy nghĩ về đặc trưng của thơ trữ tình trung đại Việt Nam. Cần chú ý các đặc điểm cơ bản sau :

- Đề cao *thơ nói chí*.
- *Tính quy phạm chặt chẽ* của các thể thơ.
- Sử dụng một cách phổ biến *hình ảnh ước lệ, tượng trưng* (điển tích, điển cố cũng là một dạng ước lệ).
- *Tính hàm súc cao*, lời ít, ý nhiều (ý tại ngôn ngoại).
- Đặc biệt gia công vào việc *chọn chữ, luyện chữ*. Trong một bài thơ thường có những từ chìa khoá được gọi là *chữ mắt* (nhãn tự) – con mắt của bài thơ.

đ) Về tác động của văn học dân gian đối với văn học viết, GV hướng dẫn HS tìm dẫn chứng về ảnh hưởng của văn học dân gian đối với văn học viết ở giai đoạn hình thành (*Việt điện u linh tập, Lĩnh Nam chích quái lục*) và giai đoạn phát triển rực rỡ – thế kỉ XVIII, XIX (bản dịch *Chinh phụ ngâm, Truyện Kiều*, thơ Hồ Xuân Hương, v.v.)

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

Bài ôn tập, từ đầu đến cuối, hoàn toàn có thể hướng dẫn HS hoạt động tự giải quyết các vấn đề. Muốn hoạt động tốt, HS phải được chuẩn bị kỹ. GV cần kiểm tra việc chuẩn bị của HS.

1. Phần mở đầu

GV nêu mục đích, ý nghĩa của tiết ôn tập (dựa vào *Kết quả cần đạt ở SGK* và *Mục tiêu cần đạt của SGV* để lựa chọn nội dung cần nêu).

2. Phần tổ chức dạy học

SGK đã nêu hai hình thức ôn tập. GV dựa vào hai hình thức này để tổ chức tiết ôn tập. Cụ thể là :

– Yêu cầu một vài HS trình bày đề cương các vấn đề của nội dung ôn tập. Sau đó cả lớp bổ sung, góp ý cho đề cương (những điểm được, chưa được, nội dung bổ sung, điều chỉnh).

– Yêu cầu một vài HS khá, giỏi nêu lên hoặc xác định những vấn đề quan trọng, khó trong nội dung ôn tập. Sau đó, GV hướng dẫn HS thảo luận và tổng kết lại những vấn đề đã đặt ra. Trong trường hợp HS không phát hiện được, GV có thể nêu một vài điểm trọng tâm của bài ôn tập để HS thảo luận. Các điểm trọng tâm đã nêu ở phần *Những điểm cần lưu ý* của bài này.

– Nếu còn thời gian, GV kiểm tra việc học thuộc lòng một số bài ca dao, tục ngữ, bài thơ của bộ phận văn học viết mà SGK đã yêu cầu. Chú ý sửa lỗi cho HS khi đọc bản phiên âm chữ Hán (trong các trường hợp cần thiết, yêu cầu giải nghĩa một số từ).